



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét b

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 – 6
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	07 – 56
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022</i>	07 – 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	12 – 13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	14 – 56

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trung Đô, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng số 6, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703000803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu tiên ngày 22 tháng 02 năm 2006. Ngày 08 tháng 05 năm 2008, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đổi tên thành Công ty Cổ phần Trung Đô

Trong quá trình hoạt động Công ty đã (12) mười hai lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi người đại diện pháp luật của công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 2900324272 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 14 tháng 04 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12: 300.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2022: 300.000.000.000 VND

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	30.220.320.000	10,08%
Công ty CP Phương Hoàng PNIX	14.000.000.000	4,67%
Ông Nguyễn Hồng Sơn	47.245.290.000	15,75%
Bà Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	57.196.210.000	19,07%
Các Cổ đông khác	151.338.180.000	50,45%
Cộng	300.000.000.000	100,00%

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại : 038 3844 410
Fax : 038 3830 431
Mã số thuế : 2900324272

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 56).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ Tịch
Ông Nguyễn Duy Hiền	Thành Viên
Ông Trần Văn Hoàn	Thành Viên
Ông Đoàn Quang Lê	Thành Viên
Bà Nguyễn Hoàng Phương Nga	Thành viên HĐQT không điều hành

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Đăng Dũng	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Hà	Ủy viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Duy Hiền	Giám đốc
Ông Trần Văn Hoàn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Hoan	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Quang Lê	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám Đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Nghệ An, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Duy Hiền

Số : 0206.01/2022/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022Kính gửi : **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Trung Đô, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2022 từ trang 07 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Trung Đô chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính Tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trung đô tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		651.253.482.202	655.557.029.777
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	25.095.209.163	9.960.192.541
111	1. Tiền		25.095.209.163	9.960.192.541
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	118.620.000.000	123.250.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		118.620.000.000	123.250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		160.636.371.649	171.173.598.359
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	138.248.051.606	138.068.252.333
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	23.419.295.117	31.688.420.309
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	105.000.000	105.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	15.942.583.264	18.514.696.542
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(17.078.558.338)	(17.202.770.825)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	318.517.511.288	345.606.428.396
141	1. Hàng tồn kho		319.793.093.590	346.666.388.156
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.275.582.302)	(1.059.959.760)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.384.390.103	5.566.810.482
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	2.794.959.718	2.989.726.808
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		25.457.516.997	1.937.406.160
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		131.913.388	639.677.514
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		964.411.041.203	581.305.978.119
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		478.497.341	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.6b	478.497.341	-
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		149.390.086.246	154.164.107.252
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	149.265.086.253	154.014.107.257
222	- Nguyên giá		631.357.518.910	620.493.549.323
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(482.092.432.657)	(466.479.442.066)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	124.999.993	149.999.995
228	- Nguyên giá		1.000.000.000	1.000.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(875.000.007)	(850.000.005)
230	III. Bất động sản đầu tư		69.988.247.144	71.829.630.908
231	- Nguyên giá	V.12	84.252.315.496	84.252.315.496
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.264.068.352)	(12.422.684.588)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		728.938.253.139	338.877.964.458
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	728.938.253.139	338.877.964.458
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.615.957.333	14.434.275.501
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	13.615.957.333	14.434.275.501
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.615.664.523.406	1.236.863.007.897

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		846.587.072.396	507.965.936.820
310	I. Nợ ngắn hạn		404.557.135.617	439.159.352.014
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14a	70.174.614.231	141.840.495.080
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	46.331.883.618	27.454.902.237
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	7.231.042.448	19.665.143.754
314	4. Phải trả người lao động		10.534.804.338	14.428.632.552
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	5.288.692.451	4.994.471.749
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	1.566.065.453	2.675.216.023
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	23.474.805.872	54.023.410.381
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	237.253.423.232	171.115.181.560
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.701.803.974	2.961.898.678
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		442.029.936.779	68.806.584.806
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.14a	330.091.305.297	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.19b	41.589.409.535	690.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	21.108.665.100	23.361.598.100
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.21	49.240.556.847	44.754.986.706

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		769.077.451.010	728.897.071.077
410 I. Vốn chủ sở hữu	V.22	766.577.451.010	726.397.071.077
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
411b - Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		70.190.665.888	70.190.665.888
413 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414 4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415 5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418 8. Quỹ đầu tư phát triển		235.822.094.322	235.822.094.322
419 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		160.564.690.800	120.384.310.867
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		120.384.310.867	25.857.791.739
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		40.180.379.933	94.526.519.128
422 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430 II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.500.000.000	2.500.000.000
431 1. Nguồn kinh phí		2.500.000.000	2.500.000.000
432 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.615.664.523.406	1.236.863.007.897

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Dương Thị Mai Huệ

Nguyễn Nam Khánh

Nguyễn Duy Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	332.724.117.173	450.589.693.942
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	4.274.496.865	3.738.399.205
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		328.449.620.308	446.851.294.737
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	242.479.822.485	370.756.617.431
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.969.797.823	76.094.677.306
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.642.448.102	3.951.163.102
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	6.022.459.780	5.713.469.298
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.022.459.780	5.713.469.298
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	20.281.637.242	15.617.636.725
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	13.130.143.900	11.891.533.616
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		50.178.005.003	46.823.200.769
31	11. Thu nhập khác	VI.8	519.584.034	365.499.223
32	12. Chi phí khác	VI.9	400.243.084	519.802.097
40	13. Lợi nhuận khác		119.340.950	(154.302.874)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.297.345.953	46.668.897.895
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	10.116.966.020	9.428.389.504
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40.180.379.933	37.240.508.391
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	1.339	1.241

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Dương Thị Mai Huệ

Nguyễn Nam Khánh

Nguyễn Duy Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	384.693.710.998	368.410.366.267
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(275.059.862.323)	(232.271.999.936)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(38.355.348.037)	(32.931.835.212)
04	Tiền lãi vay đã trả	(6.119.165.846)	(6.894.827.148)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(23.585.860.914)	(18.504.655.321)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11.936.438.378	17.696.316.993
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(29.000.096.232)	(45.213.947.719)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	24.509.816.024	50.289.417.924
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(78.555.855.584)	(48.149.025.466)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	200.000.000	190.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(87.220.000.000)	(150.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	92.163.100.000	139.896.353.704
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	152.647.510	3.047.160.597
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(73.260.108.074)	(55.015.511.165)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	Tiền thu từ đi vay	266.927.129.056	237.145.693.975
34	Tiền trả nợ gốc vay	(203.041.820.384)	(226.668.079.334)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	8.181.172
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	63.885.308.672	10.485.795.813
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	15.135.016.622	5.759.702.572
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	9.960.192.541	4.935.385.986
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	25.095.209.163	10.695.088.558

Người lập biểu



Dương Thị Mai Huệ

Kế toán trưởng



Nguyễn Nam Khánh

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2022

Giám đốc



 Nguyễn Duy Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hệ thống cấp và thoát nước, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị và nông thôn, hệ thống điện chiếu sáng; Xây dựng đê, kè, cảng biển; Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý hóa của đất, đá, nước, than, vật liệu xây dựng; Dịch vụ kiểm định chất lượng các công trình xây dựng; Chứng nhận sự an toàn chịu lực công trình và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Phòng chống mối, mọt, côn trùng cho các công trình xây dựng, đê đập, cây xanh; Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng (nhà ở và công trình công cộng), công nghiệp (nhà xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, nhà kho, công trình kỹ thuật phụ thuộc), nông nghiệp (trại chăn nuôi, trạm chế biến nông sản, trạm kho nông nghiệp); Tư vấn khảo sát địa chất công trình.
- Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn lập dự án đầu tư, đấu thầu, quản lý dự án các công trình xây dựng; Quản lý nhà chung cư.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế và dự toán các công trình: dân dụng (nhà ở và công trình công cộng), công nghiệp (nhà xưởng sản xuất, công trình phụ trợ, nhà kho, công trình kỹ thuật phụ thuộc), nông nghiệp (trại chăn nuôi, trạm chế biến nông sản, trạm kho nông nghiệp); Tư vấn khảo sát địa chất công trình; Tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: Sản xuất bê tông thương phẩm, các cấu kiện bê tông đúc sẵn, gạch không nung và vật liệu xây dựng khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà ở, khách sạn, siêu thị.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sửa chữa máy móc thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Lắp đặt máy móc, dây chuyền sản xuất; Vận hành nhà máy, thiết bị vệ sinh môi trường, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
 - Phá dỡ.
 - Sản xuất các cấu kiện kim loại.
 - Xây dựng công trình công ích.
 - Lắp đặt hệ thống điện.
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
 - Hoàn thiện công trình xây dựng: Trang trí nội, ngoại thất công trình.
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Cho thuê kho bãi, lưu trữ các loại hàng hóa và phương tiện.
 - Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê các loại xe máy, cầu tháp, cầu tự hành, xe nâng.
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu ích khác: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công.
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất gạch ốp lát Granite, ngói gốm sứ, gạch ngói tuynel các loại.
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá hoạt động bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Tư vấn, môi giới, định giá, quảng cáo bất động sản và quản lý bất động sản.
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép, kim loại khác.
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Hoạt động của hệ thống phân phối, bán điện./.
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.
- 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:**
Số liệu BCTC tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2021 và BCTC tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Nhà máy Granite Trung Đô	Đường Đặng Thai Mai, KCN Bắc Vinh, Xóm Vinh Xuân, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	Xóm 12, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	Khối 10, thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
Xí nghiệp Trung Đô 1	Số 15, đường Cù Chính Lan, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Chi nhánh nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Trung Đô	Thửa đất số 538, tờ bản đồ số 13, thôn Xuân Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Trung Đô - Trung tâm Tư vấn Xây dựng Trung Đô	Số 231, đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Nhà máy Trung Đô Slab Stone	Xóm 1, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Nhà máy Trung Đô Slab Stone-Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần Trung Đô được thành lập ngày 14/04/2021 theo Quyết định 21/CT/HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trung Đô.

Thực hiện nhiệm vụ: Sản xuất, tiêu thụ đá nhân tạo tấm lớn và các sản phẩm VLXD khác.

6. Nhân viên:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 Công ty có 776 lao động , trong đó có 168 lao động thời vụ và lao động khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp .

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản của:

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23.050 VND/USD
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 23.135 VND/USD

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra bình quân của :

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23.490 VND/USD
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 23.415 VND/USD .

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Chính sách trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi của Công ty

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: Mức trích lập như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và Chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các khoản chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-06

Công ty thực hiện khấu hao nhanh không quá 2 lần mức quy định tại khung thời gian sử dụng TSCĐ theo thông tư 45/2013/TT-BTC đối với tài sản cố định tại những đơn vị có hiệu quả kinh tế cao.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Doanh nghiệp hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Cơ sở hạ tầng	25

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

Giá trị thương hiệu

Là giá trị thương hiệu của Công ty được xác định theo biên bản thẩm định xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2004 đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt ngày 20 tháng 9 năm 2005. Công ty trích khấu hao giá trị thương hiệu với thời gian khấu hao là 20 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Doanh nghiệp ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Doanh nghiệp hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Doanh nghiệp phải gánh chịu.
- Sản phẩm được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

15. Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh nghiệp theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Doanh nghiệp là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank (Ngân hàng Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank (Ngân hàng Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với bên liên quan được thuyết minh tại mục VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.618.380.677	1.285.091.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.476.828.486	8.675.101.187
Cộng	25.095.209.163	9.960.192.541

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)- CN Nghệ An	22.600.000.000	-	-	-
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) (*)	85.580.000.000	-	121.250.000.000	-
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.440.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	118.620.000.000	-	123.250.000.000	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Trái phiếu	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (*)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng Thương mại CP Ngoại thương Việt Nam (**)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-

(*) Bao gồm 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: 50 trái phiếu được phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2017, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu với thời hạn 10 năm, lãi suất thả nổi; 50 trái phiếu được phát hành ngày 29 tháng 06 năm 2018, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu với thời hạn 10 năm, lãi suất thả nổi.

(**) Bao gồm 10.000 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2018, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu với thời hạn 10 năm, lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng Văn phòng Công ty	54.170.573.403	53.949.771.017
Khách hàng Nhà máy Granite Trung Đô	45.644.084.437	38.182.084.688
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	16.687.010.249	18.382.837.885
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	6.420.004.184	10.180.916.780
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô 1	6.589.207.145	7.949.429.289
Khách hàng Trung tâm Tư vấn Xây dựng Trung Đô	18.102.463	18.102.463
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	8.719.069.725	8.368.850.211
Cộng	138.248.051.606	138.068.252.333

Quyền đòi nợ đối với các khoản nợ phải thu hình thành từ vốn vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Vinh được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Vinh. Quyền đòi nợ đối với các khoản nợ phải thu hình thành từ vốn vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng Văn phòng Công ty	18.646.079.646	29.086.555.746
Khách hàng Nhà máy Granite Trung Đô	1.334.586.019	1.388.610.558
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	231.715.683	70.509.515
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	23.017.085	3.523.257
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Slab Stone	2.711.030.861	635.481.000
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô 1	102.193.603	125.786.513
Khách hàng Trung tâm Tư vấn Xây dựng Trung Đô	265.000.000	265.000.000
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	105.672.220	112.953.720
Cộng	23.419.295.117	31.688.420.309

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho Ông Biện Văn Luận vay với lãi suất 6,6%/năm	105.000.000	105.000.000
	105.000.000	105.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	15.942.583.264	-	18.514.696.542	-
Phải thu tạm ứng	5.081.441.797	-	4.087.479.591	-
Bảo hiểm xã hội	251.906.622	-	235.328.134	-
Bảo hiểm y tế	69.953.463	-	268.304.772	-
Bảo hiểm thất nghiệp	30.974.493	-	48.679.470	-
Lãi phải thu cá nhân	-	-	226.536.159	-
Ký cược, ký quỹ	1.942.595.000	-	2.421.092.341	-
Lãi tiền gửi dự thu	2.146.526.441	-	1.036.590.518	-
Các khoản phải thu khác	6.419.185.448	-	10.190.685.557	-
b) Dài hạn	478.497.341	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	478.497.341	-	-	-
Cộng	16.421.080.605	-	18.514.696.542	-

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Văn phòng Công ty	-	-	-	-
Nhà máy Granite Trung Đô	7.615.368.515	(7.171.881.517)	8.149.417.046	(7.705.930.048)
Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	4.280.776.013	(3.699.421.972)	3.670.685.828	(3.670.685.828)
Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	1.370.471.348	(1.370.471.348)	1.244.813.750	(1.241.848.250)
Xí nghiệp Trung Đô 1	1.697.867.851	(1.697.867.851)	1.697.867.851	(1.697.867.851)
Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	3.566.493.930	(3.138.915.650)	3.108.088.805	(2.886.438.848)
Cộng	18.530.977.657	(17.078.558.338)	17.870.873.280	(17.202.770.825)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	60.762.244.596	-	55.142.997.650	-
Công cụ, dụng cụ	1.581.781.250	-	1.803.726.963	-
Chi phí SXKD dở dang	171.225.155.019	-	191.617.144.575	-
Thành phẩm	86.073.564.229	(1.275.582.302)	97.977.022.925	(1.059.959.760)
Hàng hoá	150.348.496	-	125.496.043	-
Cộng	319.793.093.590	(1.275.582.302)	346.666.388.156	(1.059.959.760)

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho luân chuyển của Công ty đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng. Giá trị hàng tồn kho hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Vinh thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Vinh, giá trị hàng tồn kho hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nghệ An thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.794.959.718	2.989.726.808
Cộng	<u>2.794.959.718</u>	<u>2.989.726.808</u>

b) Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phần mềm Bravo	-	15.277.775
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất sét làm nguyên liệu tại D.án Tân Kỳ, Tân Hợp	305.059.427	356.416.914
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.392.844.925	3.055.488.971
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	10.918.052.981	11.007.091.841
Cộng	<u>13.615.957.333</u>	<u>14.434.275.501</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐO

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	189.327.770.511	346.063.470.706	84.247.642.183	372.933.441	481.732.482	620.493.549.323
- Mua trong kỳ	-	7.489.323.182	4.428.737.314	-	-	11.918.060.496
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.054.090.909)	-	-	(1.054.090.909)
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	189.327.770.511	353.552.793.888	87.622.288.588	372.933.441	481.732.482	631.357.518.910
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	65.811.842.299	333.814.672.950	66.178.654.495	271.419.901	402.852.421	466.479.442.066
- Tăng do khấu hao trong kỳ	3.763.960.863	9.624.489.968	3.257.345.123	-	21.285.547	16.667.081.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.054.090.909)	-	-	(1.054.090.909)
Số dư cuối kỳ	69.575.803.162	343.439.162.917	68.381.908.709	271.419.901	424.137.968	482.092.432.657
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	123.515.928.212	12.248.797.756	18.068.987.688	101.513.540	78.880.061	154.014.107.257
Tại ngày cuối kỳ	119.751.967.349	10.113.630.971	19.240.379.879	101.513.540	57.594.514	149.265.086.253

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 172.027.068.688 đồng và 31.807.629.701 đồng đang thế chấp tại ngân hàng ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân Đội và Ngân hàng TMCP Phương Đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần Trung Đô theo biên bản thẩm định xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2004 đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt ngày 20 tháng 9 năm 2005. Công ty trích khấu hao giá trị thương hiệu với thời gian khấu hao là 20 năm. Chi tiết tăng giảm khấu hao trong năm như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.000.000.000	850.000.005	149.999.995
Khấu hao trong kỳ	-	25.000.002	(25.000.002)
Số cuối kỳ	1.000.000.000	875.000.007	124.999.993

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Là giá trị 3 tầng đế của tòa nhà trung tâm thương mại Trung Đô Tower; chung cư 17 tầng; 3 tầng đế chung cư 21 tầng Trungdo -Tower tại đại lộ Lê Nin; 02 căn liền kề LK09, LK10 đường Lê Nin; tầng hầm N03T6; khối kinh doanh (tầng 1 đến tầng 4) N03-T6; thiết bị tại 03 tầng đế 21 tầng thuộc sở hữu của Công ty.

	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	84.252.315.496	84.252.315.496
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	84.252.315.496	84.252.315.496
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	12.422.684.588	12.422.684.588
Khấu hao trong kỳ	1.841.383.764	1.841.383.764
Số cuối kỳ	14.264.068.352	14.264.068.352
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	71.829.630.908	71.829.630.908
Số cuối kỳ	69.988.247.144	69.988.247.144

13. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	-	7.489.323.182
Xây dựng cơ bản dở dang	728.938.253.139	331.388.641.276
- Dự án NM gạch Trung Đô Nghi Văn (*)	630.028.336.737	270.843.108.110
- Công trình khác	7.084.324.667	13.653.980.756
- Dự án khoa học công nghệ.	91.825.591.735	46.891.552.410
Cộng	728.938.253.139	338.877.964.458

(*) Dự án khu liên hợp sản xuất vật liệu xây dựng Trung Đô, tại xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 của UBND tỉnh Nghệ An và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng mức đầu tư (điều chỉnh) của dự án là 2.400 tỷ đồng (Bằng chữ: Hai ngàn, bốn trăm tỷ đồng chẵn), trong đó nguồn vốn tự có chiếm 22% tổng mức đầu tư.

Tiến độ thực hiện:

+ Giai đoạn 1: Hoàn thành thủ tục, đầu tư xây dựng và lắp dựng hoàn thiện tổ hợp: 02 dây chuyền sản xuất vật liệu Granit tấm lớn cao cấp (5,0 triệu m²/năm) và 01 dây chuyền sản xuất gạch tuynel đất đỏ 1 (55 triệu viên/ năm). Hoàn thành, đưa vào hoạt động trước ngày 01/01/2023.

+ Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng và lắp dựng hoàn thiện tổ hợp: 01 dây chuyền sản xuất Ngói gốm sứ cao cấp (2,5 triệu m²/ năm); 1 dây chuyền sản xuất vật liệu Granit tấm lớn cao cấp (2,5 triệu m²/ năm) và 01 dây chuyền sản xuất gạch Tuynel đất đỏ 2 (55 triệu viên/ năm). Hoàn thành, đưa vào hoạt động trước ngày 03/2024.

14. Phải trả người bán

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các nhà cung cấp khác	70.174.614.231	70.174.614.231	141.840.495.080	141.840.495.080
Khách hàng Văn phòng Công ty	18.239.382.820	18.239.382.820	66.798.143.013	66.798.143.013
Khách hàng Nhà máy Granite Trung Đô	24.421.937.201	24.421.937.201	33.973.259.294	33.973.259.294
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	11.213.958.946	11.213.958.946	12.832.435.007	12.832.435.007
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	2.919.918.103	2.919.918.103	6.489.167.200	6.489.167.200
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Slab Stone	2.683.476.572	2.683.476.572	5.059.596.666	5.059.596.666
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô 1	4.306.476.549	4.306.476.549	6.136.714.778	6.136.714.778
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	6.389.464.040	6.389.464.040	10.551.179.122	10.551.179.122
Cộng	70.174.614.231	70.174.614.231	141.840.495.080	141.840.495.080

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các nhà cung cấp khác	330.091.305.297	330.091.305.297	-	-
Khách hàng Văn phòng Công ty	330.091.305.297	330.091.305.297	-	-
Cộng	330.091.305.297	330.091.305.297	-	-

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng Văn phòng Công ty	40.098.310.657	23.458.056.797
Khách hàng Nhà máy Granite Trung Đô	1.007.390.752	886.457.289
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Nam Giang	2.752.953.048	2.124.595.032
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô Hoàng Mai	789.654.400	116.106.840
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Slab Stone	918.644.000	628.056.000
Khách hàng Xí nghiệp Trung Đô 1	49.100.232	85.749.000
Khách hàng Nhà máy Trung Đô Hà Tĩnh	715.830.529	155.881.279
Cộng	46.331.883.618	27.454.902.237

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.441.935	123.520.919
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.467.724.278	18.936.619.172
Thuế thu nhập cá nhân	187.018.774	230.668.645
Thuế tài nguyên	1.570.977.712	298.913.269
Các loại thuế khác	1.879.749	75.421.749
	<u>7.231.042.448</u>	<u>19.665.143.754</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.10

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Doanh nghiệp phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay phải trả cho cá nhân, tổ chức khác	1.685.472.353	1.176.582.561
Lãi vay phải trả các cá nhân cho Công ty vay vốn đầu tư Dự án chung cư N03-T6	1.454.414.912	2.181.622.352
Khấu trừ tiền thuế TNCN của người lao động	135.000	135.000
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	387.866.446	266.254.864
Tạm tính các khoản chiết khấu bán hàng và bề vỡ lưu kho của các nhà phân phối tại nhà máy Granite Trung Đô	1.760.803.740	1.369.876.972
	<u>5.288.692.451</u>	<u>4.994.471.749</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu chưa thực hiện của hoạt động bán và cho thuê Bất động sản tại Văn phòng Công ty Cổ phần Trung Đô.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	1.566.065.453	2.675.216.023
	<u>1.566.065.453</u>	<u>2.675.216.023</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	23.474.805.872	54.023.410.381
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	<i>18.898.595.553</i>
Tổng công ty Xây dựng Hà Nội-CTCP(*)	-	18.898.595.553
- Gốc vay phải trả	-	3.116.000.000
- Lãi vay phải trả	-	6.962.727.417
- Tiền cổ tức phải trả	-	8.745.868.136
- Tiền quyết toán thừa	-	74.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>23.474.805.872</i>	<i>35.124.814.828</i>
Kinh phí công đoàn		1.655.242.721
Kinh phí bảo trì tòa N03-T6	9.246.597.328	7.835.104.599
Kinh phí bảo trì tòa nhà chung cư CT21- Trungdo Tower	3.690.441.834	3.643.277.169
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.537.766.710	2.070.104.578
Công ty CP đầu tư bất động sản Taseco góp vốn đầu tư dự án chung cư N03-T6(*)	-	19.921.085.761
b) Dài hạn	41.589.409.535	690.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	685.000.000	690.000.000
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>18.898.595.553</i>	-
Tổng công ty Xây dựng Hà Nội-CTCP	18.898.595.553	-
- Gốc vay phải trả	3.116.000.000	-
- Lãi vay phải trả	6.962.727.417	-
- Tiền cổ tức phải trả	8.745.868.136	-
- Tiền quyết toán thừa	74.000.000	-
Công ty CP đầu tư bất động sản Taseco góp vốn đầu tư dự án chung cư N03-T6	22.005.813.982	-
	<u>65.064.215.407</u>	<u>54.713.410.381</u>

(*) Khoản phải trả của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội- CTCP và Công ty CP đầu tư bất động sản Taseco được phân loại từ phải trả ngắn hạn sang dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐO

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Vay và nợ thuê tài chính phải trả các bên liên quan	34.992.000.000	34.992.000.000	11.400.000.000	10.329.886.739	36.062.113.261
Vay Ông Đoàn Quang Lê	2.000.000.000	2.000.000.000	-	400.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Vay Ông Nguyễn Duy Hiền	1.450.000.000	1.450.000.000	300.000.000	-	1.750.000.000	1.750.000.000
Vay Ông Trần Văn Hoàn	1.450.000.000	1.450.000.000	400.000.000	790.000.000	1.060.000.000	1.060.000.000
Vay Ông Nguyễn Hồng Sơn	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
Vay Ông Nguyễn Nam Khánh	-	-	1.150.000.000	-	1.150.000.000	1.150.000.000
Vay Ông Nguyễn Hồng Hải	10.001.000.000	10.001.000.000	3.500.000.000	8.023.000.000	5.478.000.000	5.478.000.000
Vay Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	856.000.000	856.000.000	-	856.000.000	-	-
Vay Bà Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	18.835.000.000	18.835.000.000	6.050.000.000	260.886.739	24.624.113.261	24.624.113.261
Vay và nợ thuê tài chính phải trả các tổ chức và cá nhân khác	136.123.181.560	136.123.181.560	255.527.129.056	190.459.000.645	201.191.309.971	201.191.309.971
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (1)	73.655.035.186	73.655.035.186	123.436.756.489	111.063.123.195	86.028.668.480	86.028.668.480
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VND (2)	23.251.422.351	23.251.422.351	81.905.844.148	25.288.096.194	79.869.170.305	79.869.170.305
Ngân hàng TMCP Phương Đông OCB Việt Nam - VND (3)	2.723.748.080	2.723.748.080	40.997.838.569	27.764.438.263	15.957.148.386	15.957.148.386
Ngân hàng TMCP quân đội (VND)(4)	10.056.653.143	10.056.653.143	5.586.689.850	15.643.342.993	-	-
Vay đối tượng khác	26.436.322.800	26.436.322.800	3.600.000.000	10.700.000.000	19.336.322.800	19.336.322.800
Cộng	171.115.181.560	171.115.181.560	266.927.129.056	200.788.887.384	237.253.423.232	237.253.423.232

1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 488/HM20/NAN ký ngày 22 tháng 11 năm 2020 và hợp đồng tín dụng số 04/HM22/NAN ký ngày 07 tháng 01 năm 2022, hạn mức vay 100.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2021, được ký lại theo Mục đích sử dụng khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan đến hoạt động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỒ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

xuất kinh doanh, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 175 ngày kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,0%. Khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp sau:

- Tài sản gắn liền với đất của Công ty thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327480 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 19/09/2003.
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327478 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003, tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 06 tại phường Trung Đô, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An cấp theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số X327479 do UBND Tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003.
- Máy móc thiết bị dây chuyền 02 nhà máy gạch granite Trung Đô là tài sản hình thành từ vốn vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh.
- Máy móc thiết bị dây chuyền ép than quả bàng thuộc quyền sở hữu của Bên vay là tài sản hình từ vốn vay của Bên cho vay.
- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes S500 BKS:37A-23568 theo hợp đồng bán hàng số 540/2014/HĐKT-KD ngày 15/11/2014 ký giữa Công ty Cổ phần Trung Đô và Công ty Cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh; là tài sản hình thành từ vốn vay.
- 01 trạm trộn bê tông công suất 100-120m³ do bên vay mua của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ T.A.P Việt Nam theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2014 ngày 12/11/2014, là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Dây chuyền máy in gạch kỹ thuật số thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Toàn bộ hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh và khoản phải thu hình thành từ vốn vay của ngân hàng, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty cổ phần Trung Đô.

Tài sản hình thành trong tương lai được hình thành từ vốn vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An là hệ thống điện mặt trời áp mái tại NM Granit Trung Đô theo HĐ số 128/2020 ngày 25/02/2020 và HĐ 146//2020 ngày 10/6/2020, hệ thống điện mặt trời áp mái tại NIM Trung Đô Slab Stone theo HĐ số 146//2020 ngày 10/6/2020 thuộc sở hữu của Bên vay.

- 2) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Vinh Theo hợp đồng hạn mức số 01/2021-HĐCVHIM/NHCT442-TRUNGDO ngày 06 tháng 01 năm 2021, hạn mức 100.000.000.000 VND. thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2021. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCV – SDDBS/NHCT442-TRUNGDO. Mục đích sử dụng khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng của công ty, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng kể từ ngày rút vốn vay. Lãi suất cho vay trong Hợp đồng này là lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo các quy định của ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp sau:
 - Hợp đồng số 02-2011 ngày 08/11/2011: tài sản thế chấp là máy móc, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
 - Hợp đồng số 01/2014 ngày 26 /10/2013: tài sản thế chấp là máy móc thiết bị phục vụ sản xuất gạch tại nhà máy Granite Trung Đô, giá trị tài sản thế chấp là 8.475.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỎ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp số 02/2014 ngày 21/10/2014; tài sản thế chấp là Xe ô tô BKS 37A-111.74.
 - Hợp đồng thế chấp số 01/2017 ngày 11 tháng 12/2017; tài sản thế chấp toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Trung Đô.
 - Hợp đồng thế chấp số 02/2017 ngày 11 tháng 12/2017; tài sản thế chấp quyền đòi nợ của Công ty Cổ phần Trung Đô.
 - Hợp đồng thế chấp số 03/2017 ngày 11/12/2017; tài sản thế chấp là máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô, giá trị tài sản thế chấp là 7.254.000.000 VND.
 - Hợp đồng thế chấp số 04/2017 ngày 11/12/2017; tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô tải pickup BKS 37C-275.07 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
 - Hợp đồng thế chấp số 05/2017 ngày 11/12/2017; tài sản thế chấp là Xe ô tô tải pickup BKS 37C-259.74 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
 - Hợp đồng thế chấp số 06/2017 ngày 11/12/2017; tài sản thế chấp là Xe ô tô tải Fuso BKS 37C-250.42 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
 - Hợp đồng thế chấp số 01-2014 ngày 1/4/2014; tài sản thế chấp là các máy móc thiết bị của dự án máy in Gạch kỹ thuật số
 - Hợp đồng thế chấp số 02-2010/HĐTC ngày 08/12/2010; tài sản thế chấp là Xe ô tô Lexus BKS 37S-6599, Xe ô tô Mitsubishi BKS 37V-3405, Xe ô tô Toyota BKS 37N-8868 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
 - Hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐBĐ/NHCT442 ngày 08/01/2019; tài sản thế chấp là Xe ô tô Ford explore BKS 37A-410.62.
 - Hợp đồng thế chấp số 02/2019/HĐ/HĐBĐ/NHCT442 ngày 08/01/2019; tài sản thế chấp là Xe tải có cần cầu hiệu Hino BKS 37C-312.28 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Đô.
- 3) Là khoản vay ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An, theo hợp đồng hạn mức số 0082/2021/HĐTD-OCB-DN ngày 01 tháng 03 năm 2021, được ký lại theo hợp đồng tín dụng số 0060/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 04 tháng 03 năm 2022 với hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 90.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay 12 tháng kể từ ngày 04 tháng 03 năm 2022. Mục đích sử dụng khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng của công ty và thi công xây lắp công trình xây dựng. Lãi suất cấp tín dụng được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm mở tại ngân hàng OCB, với mức đảm bảo tối đa 90.000.000.000 VND
- 4) Là khoản vay ngân hàng TMCP Quân Đội-Chi nhánh Nghệ An, theo hợp đồng hạn mức số 18671.21.810.2122685.TD ngày 20 tháng 04 năm 2021, với hạn mức cho vay như sau:
- Hạn mức 1: 25.000.000.000 VND có hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng.
 - Hạn mức 2: 50.000.000.000 VND phát sinh khi khách hàng có nhu cầu vượt giá trị Hạn mức 1, có đề nghị gửi Ngân hàng MB chấp thuận. Hạn mức 2 có hiệu lực tại thời điểm MB chấp thuận cho khách hàng giải ngân trong Hạn mức cho vay 2.
- Lãi suất cấp tín dụng được quy định tại văn bản nhận nợ giữa MB và Công ty cổ phần Trung Đô.
- Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10 tháng 04 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐO

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản, đối với nghĩa vụ vay $\leq 25.000.000.000$ VND là Tối thiểu 50% dư nghĩa vụ tại mọi thời điểm của khách hàng được đảm bảo bằng tài sản là tiền ký quỹ tại ngân hàng MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị đủ điều kiện nhận theo quy định của MB từng thời kỳ. Đối với các nghĩa vụ vay tăng thêm ($> 25.000.000.000$ VND) là 100% dư nghĩa vụ tại mọi thời điểm của khách hàng được đảm bảo bằng tài sản là tiền ký quỹ tại ngân hàng MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị đủ điều kiện nhận theo quy định của MB từng thời kỳ.

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (5)	7.411.598.100	7.411.598.100	-	352.933.000	7.058.665.100	7.058.665.100
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VND (6)	15.950.000.000	15.950.000.000	-	1.900.000.000	14.050.000.000	14.050.000.000
Cộng	23.361.598.100	23.361.598.100	-	2.252.933.000	21.108.665.100	21.108.665.100

5) Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 211/HĐTD20/NAN ngày 20 tháng 04 năm 2020, hạn mức vay 11.375.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên mục đích sử dụng khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan đến việc thực hiện đầu tư dự án Điện mặt trời áp mái tại các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng Trung Đô do Công ty CP Trung Đô làm chủ đầu tư, lãi suất cho vay bằng VND là: cố định 8,6%/năm trong 02 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; sau thời hạn 02 năm, lãi suất cho vay được áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo quy định lãi suất cho vay trung dài hạn của VCB trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,6%. Khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp sau:

- Tài sản gắn liền với đất của Công ty thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327480 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 19/09/2003.
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327478 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 10 tại phường Trung Đô, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X327477 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003, tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 06 tại phường Trung Đô, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An cấp theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số X327479 do UBND Tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/09/2003.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐO

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trưng Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Máy móc thiết bị dây chuyền 02 nhà máy gạch granite Trưng Đô thuộc quyền sở hữu của Bên vay. Máy móc thiết bị dây chuyền ép than qua băng thuộc quyền sở hữu của Bên vay.
 - 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes S500 BKS:37A-23568 theo hợp đồng bán hàng số 540/2014/HĐKT-KD ngày 15/11/2014 ký giữa Công ty Cổ phần Trưng Đô và Công ty Cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh thuộc quyền sở hữu của Bên vay.
 - 01 trạm trộn bê tông công suất 100-120m³ do bên vay mua của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ T.A.P Việt Nam theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2014 ngày 12/11/2014.
 - Dây chuyền máy in gạch kỹ thuật số thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Trưng Đô là tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Toàn bộ hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh và khoanh phải thu hình thành từ vốn vay của ngân hàng, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty CP Trưng Đô.
 - Tài sản hình thành trong tương lai được hình thành từ vốn vay VCB là toàn bộ hệ thống điện mặt trời áp mái tại các nhà maysán xuất vật liệu xây dựng thuộc sở hữu của Bên vay.
- 6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số: 01/2019-HĐCVDAT/NHCT442-TRUNGDO ngày 19/12/2019, hạn mức vay 20.700.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên, mục đích vay: dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Đầu tư dây chuyền tăng trắng, khử từ đất nguyên liệu. Lãi suất cho vay trong Hợp đồng này là lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo các quy định của ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp sau:
- Các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này gồm: Hợp đồng thế chấp Động sản số 01/2019/HĐBBĐ/NHCT442-TRUNG ĐỘ ngày 17/12/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Vinh và Công ty cổ phần Trưng Đô.
 - Các hợp đồng Bảo đảm được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này.

21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Số đầu năm

Trích lập quỹ trong kỳ

Giảm quỹ trong kỳ

Số cuối kỳ

Số cuối kỳ
44.754.986.706
5.547.975.741
1.062.405.600
49.240.556.847

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐO

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty trích bổ sung Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2022 với mức trích lập tối đa bằng 10% thu nhập chịu thuế theo Quyết định số 14/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 03 năm 2022 Quyết định của Hội đồng quản trị về việc trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	70.190.665.888	235.822.094.322	73.857.791.739	679.870.551.949
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	94.526.519.128	94.526.519.128
Chia cổ tức	-	-	-	(48.000.000.000)	(48.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	70.190.665.888	235.822.094.322	120.384.310.867	726.397.071.077
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	40.180.379.933	40.180.379.933
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	70.190.665.888	235.822.094.322	160.564.690.799	766.577.451.009

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty xây dựng Hà Nội-CTCP	30.220.320.000	30.220.320.000
Công ty cổ phần Phương Hoàng PNIX	14.000.000.000	14.000.000.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	47.245.290.000	47.245.290.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	57.196.210.000	57.196.210.000
Các cổ đông khác	151.338.180.000	151.338.180.000
	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	277.264.329.797	247.139.670.595
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.235.099.533	3.343.015.108
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	50.760.772.398	200.107.008.239
Doanh thu khác	463.915.445	-
Cộng	332.724.117.173	450.589.693.942

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	752.570.710	848.336.235
Chiết khấu thương mại	2.527.517.262	2.260.008.303
Giảm giá hàng bán	994.408.893	630.054.667
Cộng	4.274.496.865	3.738.399.205

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	208.930.862.064	194.243.713.477
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.760.044.572	3.279.227.245
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	28.677.962.441	173.233.676.709
Giá vốn của hoạt động khác	110.953.408	-
Cộng	242.479.822.485	370.756.617.431

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.610.573.102	3.914.663.102
Lãi trái phiếu	31.875.000	36.500.000
Cộng	3.642.448.102	3.951.163.102

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.022.459.780	5.713.469.298
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Cộng	6.022.459.780	5.713.469.298

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	819.142.697	278.099.434
Chi phí nhân công	2.466.758.647	2.396.873.062
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	12.831.565	13.599.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.185.180	132.160.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.218.579.118	7.632.221.403
Chi phí khác bằng tiền	6.456.140.035	5.164.682.616
Cộng	20.281.637.242	15.617.636.725

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	3.025.405.455	2.882.400.144
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	18.929.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	677.374.651	628.465.080
Thuế, phí và lệ phí	1.689.028.359	245.134.348
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(124.212.487)	415.873.113
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	5.547.975.741	5.185.433.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.061.778.609	2.274.875.803
Chi phí khác bằng tiền	1.252.793.572	240.423.028
Cộng	13.130.143.900	11.891.533.616

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	181.818.182	172.727.273
Tiền phạt thu được	-	12.625.000
Các khoản khác	337.765.852	180.146.950
Cộng	519.584.034	365.499.223

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt nộp chậm thuế, truy thu thuế	437.816	160.041.824
Chi tài trợ kinh phí xây dựng điểm trường Sa Lầy, Mường Lống 2 tại huyện Kỳ Sơn, Nghệ An	389.400.900	-
Các khoản chi hỗ trợ	-	22.227.273
Chi phí nhân công dọn dẹp sau lụt	-	-
Các khoản khác	4.368	300.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính	10.400.000	37.533.000
Cộng	400.243.084	519.802.097

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50.297.345.953	46.668.897.895
Các khoản điều chỉnh tăng	653.048.427	473.049.624
- <i>Chênh lệch khấu hao giữa CP Kế toán và CP thuế (CP Thuế thấp hơn)</i>	253.247.527	253.247.527
- <i>Các khoản tiền phạt, chậm nộp, truy thu thuế</i>	10.400.000	160.041.824
- <i>Chi ủng hộ các đoàn thể</i>	389.400.900	22.227.273
- <i>Chi phí khác</i>	-	37.533.000
Các khoản điều chỉnh giảm	365.564.282	-
- <i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận nội bộ đã ghi nhận lợi nhuận tính thuế năm 2019</i>	365.564.282	-
- <i>Chênh lệch khấu hao giữa CP Kế toán và CP thuế (CP Thuế cao hơn)</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	50.584.830.098	47.141.947.519
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	10.116.966.020	9.428.389.504
<i>Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này (*)</i>		-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	10.116.966.020	9.428.389.504

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.180.379.933	37.240.508.391
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.180.379.933	37.240.508.391
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.339	1.241

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.000.000	30.000.000
Cổ phiếu phát hành tăng bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Giao dịch không bằng tiền

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Lãi tiền gửi nhập gốc	313.100.000
Cộng	313.100.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Danh sách các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

STT	Họ và tên	Quan hệ
1	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Duy Hiền	Thành viên HĐQT, Giám đốc
3	Ông Trần Văn Hoàn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
4	Ông Đoàn Quang Lê	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
5	Ông Nguyễn Bá Hoan	Phó Giám đốc
6	Bà Nguyễn Hoàng Phương Nga	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Nam Khánh	Kế toán trưởng
8	Bà Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	Cố đông lớn-Vợ Ông Nguyễn Hồng Sơn
9	Ông Nguyễn Hồng Hải	Em ruột Chủ tịch HĐQT
10	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Em ruột Chủ tịch HĐQT

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Thu nhập từ tiền lương	Thu nhập từ phụ cấp
Nguyễn Hồng Sơn	154.536.000	90.000.000
Nguyễn Duy Hiền	149.033.533	54.000.000
Trần Văn Hoàn	122.710.948	54.000.000
Đoàn Quang Lê	128.976.000	54.000.000
Nguyễn Hoàng Phương Nga	75.066.000	54.000.000
Nguyễn Nam Khánh	105.805.385	-
Cộng	736.127.866	306.000.000

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền vay phát sinh	11.400.000.000	5.290.000.000
Nguyễn Duy Hiền	300.000.000	-
Trần Văn Hoàn	400.000.000	490.000.000
Nguyễn Nam Khánh	1.150.000.000	-
Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	6.050.000.000	900.000.000
Nguyễn Hồng Hải	3.500.000.000	3.900.000.000
Trả gốc vay	10.329.886.739	750.000.000
Nguyễn Duy Hiền	-	400.000.000
Trần Văn Hoàn	790.000.000	350.000.000
Đoàn Quang Lê	400.000.000	-
Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	260.886.739	-
Nguyễn Hồng Hải	8.023.000.000	-
Nguyễn Thị Thu Huyền	856.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	1.185.549.907	1.331.930.486
Nguyễn Duy Hiền	-	696.968.486
Trần Văn Hoàn	19.692.556	634.962.000
Đoàn Quang Lê	11.695.555	-
Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	75.766.943	-
Nguyễn Hồng Hải	304.356.776	-
Nguyễn Thị Thu Huyền	774.038.077	-
Tiền lãi vay phải trả	1.240.461.008	60.557.094
Nguyễn Duy Hiền	55.863.889	15.971.923
Trần Văn Hoàn	37.432.492	12.635.911
Đoàn Quang Lê	57.784.444	-
Nguyễn Nam Khánh	3.258.333	-
Nguyễn Thị Mỹ Cảnh	750.832.837	15.977.338
Nguyễn Hồng Hải	302.784.377	15.971.922
Nguyễn Thị Thu Huyền	32.504.637	-

Tại ngày 30/06/2022 công nợ với các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh V.20

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	Cổ đông lớn

Trong kỳ công ty không phát sinh với các bên liên quan khác.

Tại ngày 30/06/2022 số dư công nợ với các bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh V.19

2. Thông tin về bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh Kinh doanh vật liệu xây dựng : sản xuất, buôn bán gạch, ngói, xi măng...
- + Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: dịch vụ xây lắp.
- + Lĩnh vực Bất động sản: Xây dựng, tư vấn và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐO

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	272.989.832.932	4.235.099.533	50.760.772.398	463.915.445	328.449.620.308
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	272.989.832.932	4.235.099.533	50.760.772.398	463.915.445	328.449.620.308
Chi phí trực tiếp của bộ phận	208.930.862.064	4.760.044.572	28.677.962.441	110.953.408	242.479.822.485
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	64.058.970.868	(524.945.039)	22.082.809.957	352.962.037	85.969.797.823
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					33.411.781.142
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (không bao gồm doanh thu và chi phí tài Doanh thu hoạt động tài chính					52.558.016.681
Chi phí tài chính					3.642.448.102
Thu nhập khác					6.022.459.780
Chi phí khác					519.584.034
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					400.243.084
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.116.966.020
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	336.321.412.448	5.217.610.640	62.536.888.229	571.540.325	404.647.451.641
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.225.897.765	236.210.967	2.831.161.596	25.874.697	18.319.145.025

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐO

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.285.425.763.228	19.941.790.473	239.016.976.936	2.184.436.169	1.546.568.966.807
Tài sản phân bổ cho bộ phận	13.639.880.295	211.605.868	2.536.251.449	23.179.439	16.410.917.051
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					52.684.639.548
Tổng tài sản					1.615.664.523.406
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	106.891.595.043	1.658.290.858	19.875.831.524	181.650.215	128.607.367.640
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	543.169.033.782	8.426.595.586	100.998.925.130	923.054.538	653.517.609.036
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	64.462.095.720
Tổng nợ phải trả					846.587.072.396

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.095.209.163	9.960.192.541	25.095.209.163	9.960.192.541
Phải thu khách hàng	121.274.493.268	120.865.481.508	121.274.493.268	120.865.481.508
Phải thu về cho vay	105.000.000	105.000.000	105.000.000	105.000.000
Các khoản phải thu khác	16.421.080.605	18.514.696.542	16.421.080.605	18.514.696.542
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	118.620.000.000	123.250.000.000	118.620.000.000	123.250.000.000
Cộng	283.515.783.036	274.695.370.591	283.515.783.036	274.695.370.591
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	258.362.088.332	194.476.779.660	258.362.088.332	194.476.779.660
Phải trả người bán	400.265.919.528	141.840.495.080	400.265.919.528	141.840.495.080
Các khoản phải trả khác	80.887.712.196	74.136.514.682	80.887.712.196	74.136.514.682
Cộng	739.515.720.056	410.453.789.422	739.515.720.056	410.453.789.422

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	237.253.423.232	21.108.665.100	-	258.362.088.332
Phải trả người bán	400.265.919.528	-	-	400.265.919.528
Các khoản phải trả khác	39.298.302.661	41.589.409.535	-	80.887.712.196
Cộng	676.817.645.421	62.698.074.635	-	739.515.720.056
Số đầu năm				
Vay và nợ	171.115.181.560	23.361.598.100	-	194.476.779.660
Phải trả người bán	141.840.495.080	-	-	141.840.495.080
Các khoản phải trả khác	73.446.514.682	690.000.000	-	74.136.514.682
Cộng	386.402.191.322	24.051.598.100	-	410.453.789.422

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐỘ

Địa chỉ: Số 205 đường Lê Duẩn, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Lãi vay vốn hóa

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Lãi vay vốn hóa	<u>834.421.531</u>
Cộng	<u>834.421.531</u>

Là khoản lãi vay vốn hóa cho Dự án khu liên hợp sản xuất vật liệu xây dựng Trung Đô, tại xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Dương Thị Mai Huệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Nam Khánh

Giám đốc



Nguyễn Duy Hiền